

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VK MEDIA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VK MEDIA**

Địa chỉ: Số 54 đường số 6, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0945167779

Email: ptlnhien26@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 3703127566

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC MẮM PHÚ VIỆT LOẠI THƯỢNG HẠNG**

2. Thành phần: Cá cơm (73,2%), muối (25,5%), đường phèn (1,3%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực: 250 ml, 500 ml hoặc theo yêu cầu của khách hàng và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Chai thủy tinh, chai nhựa PET. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Tên cơ sở sản xuất: **HỘ KINH DOANH NƯỚC MẮM TÂN LẬP**

Địa chỉ: Khu phố An Thạnh, Phường Xuân Đài, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 03/2025/NNMT-PY, Ngày cấp: 30/05/2025, Nơi cấp: CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN PHÚ YÊN



III. Mẫu nhãn sản phẩm

Nhãn sản phẩm dự kiến: Đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh vật: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
2.	Coliforms	CFU/ml	10^2
3.	Escherichia coli	MPN/ml	0
4.	Staphylococcus aureus	MPN/ml	3
5.	Clostridium perfringens	CFU/ml	10
6.	Salmonella	/25ml	0
7.	Vibrio parahaemolyticus	CFU/ml	10

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	1
2.	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	1
3.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	2
4.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,05

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tỉnh Bình Dương, ngày...09... tháng...06... năm 2025

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]

BÙI THỊ XUÂN VIÊN

NHÂN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: NƯỚC MẮM PHÚ VIỆT LOẠI THƯỢNG HẠNG

Thành phần: Cá cơm (73,2%), muối (25,5%), đường phèn (1,3%).

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng làm gia vị, chấm, ướp tẩm.

Thông tin cảnh báo an toàn: Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Đậy nắp kín sau khi sử dụng.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. **NSX:** Xem trên bao bì sản phẩm.

Thể tích thực: ml

Số TCB: 01/VK MEDIA/2025

Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất bởi: HỘ KINH DOANH NƯỚC MẮM TÂN LẬP

Địa chỉ: Khu phố An Thạnh, Phường Xuân Đài, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VK MEDIA

Địa chỉ: Số 54 đường số 6, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0945167779

Tỉnh Bình Dương, ngày...09... tháng...06... năm 2025

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



[Signature]

BÙI THỊ XUÂN VIÊN

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y235L3757

Mã KQ/ RP. No: 001100986.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VK MEDIA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 54 đường số 6, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **25/12/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **25/12/2024 - 30/12/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **NƯỚC MẮM PHÚ VIỆT LOẠI THƯỢNG HẠNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai thủy tinh kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	8.4x10 ²	CFU/mL	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
2	Coliforms (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*)	0	MPN/mL	-	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
4	Staphylococcus aureus (*)	0	MPN/mL	-	TS-KT-VS-77:2022 (Ref. TCVN 11039-7:2015)
5	Clostridium perfringens (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25mL	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
7	Vibrio parahaemolyticus (*)	< 1	CFU/mL	-	NMKL 156:1997
8	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.95	mg/L	-	TS-KT-QP-27:2021
9	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
11	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y235L3757

Mã KQ/ RP. No: 001100986.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
Chú thích/ Remarks: Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phân mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample. 1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.					

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Haol
LÝ BÁ HẢO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/01/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z257A1715

Mã KQ/ RP. No: 001003788.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VK MEDIA**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 54 đường số 6, KDC Hiệp Thành 3, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **10/01/2025**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **10/01/2025 - 14/01/2025**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **NƯỚC MẮM PHÚ VIỆT LOẠI THƯỢNG HẠNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai thủy tinh kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Nitơ tổng (*)/ Total nitrogen (*)	31.9	g/L	-	TCVN 3705:1990
2	Nitơ axit amin (*)/ Amino acid nitrogen (*)	26.0	g/L	-	TCVN 3708:1990

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04